

GÓI 10+ & NỘI SOI DẠ DÀY	GÓI 10+ & NỘI SOI KÉP	GÓI 10+ & ĐỘT QUY NÃO	GÓI 10+ & NỘI SOI DẠ DÀY & ĐỘT QUY NÃO	GÓI 10+ & NỘI SOI KÉP & ĐỘT QUY NÃO
KHÁM LÂM SÀNG				
Đo chỉ số sinh tồn	Đo chỉ số sinh tồn	Đo chỉ số sinh tồn	Đo chỉ số sinh tồn	Đo chỉ số sinh tồn
Khám nội tổng quát	Khám nội tổng quát	Khám nội tổng quát	Khám nội tổng quát	Khám nội tổng quát
Khám Tai mũi họng	Khám Tai mũi họng	Khám Tai mũi họng	Khám Tai mũi họng	Khám Tai mũi họng
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH VÀ THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng
Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp
Chụp CLVT 128 dây phổi liều thấp	Chụp CLVT 128 dây phổi liều thấp	Chụp CLVT 128 dây phổi liều thấp	Chụp CLVT 128 dây phổi liều thấp	Chụp CLVT 128 dây phổi liều thấp
Chụp Xquang tuyến vú 2 bên (Mammography)	Chụp Xquang tuyến vú 2 bên (Mammography)	Chụp Xquang tuyến vú 2 bên (Mammography)	Chụp Xquang tuyến vú 2 bên (Mammography)	Chụp Xquang tuyến vú 2 bên (Mammography)
Chụp CLVT 128 dây ngực - bụng tiểu khung thường quy (không tiêm thuốc cản quang)	Chụp CLVT 128 dây ngực - bụng tiểu khung thường quy (không tiêm thuốc cản quang)	Chụp CLVT 128 dây ngực - bụng tiểu khung thường quy (không tiêm thuốc cản quang)	Chụp CLVT 128 dây ngực - bụng tiểu khung thường quy (không tiêm thuốc cản quang)	Chụp CLVT 128 dây ngực - bụng tiểu khung thường quy (không tiêm thuốc cản quang)
Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản - dạ dày - tá tràng) có gây mê	Nội soi kép đường tiêu hóa (Dạ dày + đại trực tràng) có gây mê	Chụp MRI não	Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản - dạ dày - tá tràng) có gây mê	Nội soi kép đường tiêu hóa (Dạ dày + đại trực tràng) có gây mê
Điện tim thường	Điện tim thường		Điện tim thường	Điện tim thường
Làm test Hp (Urease)	Làm test Hp (Urease)		Làm test Hp (Urease)	Làm test Hp (Urease)
			Chụp MRI não	Chụp MRI não
DANH MỤC XÉT NGHIỆM				
Huyết học-Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	Huyết học-Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	Huyết học-Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	Huyết học-Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	Huyết học-Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số
Định lượng Triglyceride	Định lượng Triglyceride	Định lượng Triglyceride	Định lượng Triglyceride	Định lượng Triglyceride
Định lượng Cholesterol	Định lượng Cholesterol	Định lượng Cholesterol	Định lượng Cholesterol	Định lượng Cholesterol
Định lượng HbA1c	Định lượng HbA1c	Định lượng HbA1c	Định lượng HbA1c	Định lượng HbA1c
Định lượng Glucose máu	Định lượng Glucose máu	Định lượng Glucose máu	Định lượng Glucose máu	Định lượng Glucose máu
Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein)	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein)	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein)	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein)	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein)
Định lượng HDL-C (High density lipoprotein)	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein)	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein)	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein)	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein)
Đo hoạt độ GGT (Gamma glutamyl transferase)	Đo hoạt độ GGT (Gamma glutamyl transferase)	Đo hoạt độ GGT (Gamma glutamyl transferase)	Đo hoạt độ GGT (Gamma glutamyl transferase)	Đo hoạt độ GGT (Gamma glutamyl transferase)
Đo hoạt độ AST (SGOT)	Đo hoạt độ AST (SGOT)	Đo hoạt độ AST (SGOT)	Đo hoạt độ AST (SGOT)	Đo hoạt độ AST (SGOT)
Đo hoạt độ ALT (SGPT)	Đo hoạt độ ALT (SGPT)	Đo hoạt độ ALT (SGPT)	Đo hoạt độ ALT (SGPT)	Đo hoạt độ ALT (SGPT)
Định lượng Ure trong máu (BUN)	Định lượng Ure trong máu (BUN)	Định lượng Ure trong máu (BUN)	Định lượng Ure trong máu (BUN)	Định lượng Ure trong máu (BUN)
Định lượng Creatinine	Định lượng Creatinine	Định lượng Creatinine	Định lượng Creatinine	Định lượng Creatinine
Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số
11.000.000	15.000.000	8.500.000	13.500.000	17.500.000